

Số: 54/2026/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân khu vực 11 – Gia Lai về việc “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị **Lê Thị V**, sinh ngày 27/7/1998, CCCD số: 064198003468.

Anh **Trần Đức A**, sinh ngày 17/8/1998, CCCD số: 064098003173.

Cùng địa chỉ: **Thôn F, xã I, tỉnh Gia Lai.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị V** và anh **Trần Đức A** qua tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, sau đó thực hiện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã I**, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/02/2026. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là cháu **Trần Gia H**, sinh ngày 08/01/2016 và cháu **Trần Gia H1**, sinh ngày 12/7/2020. Anh chị thỏa thuận giao cháu **H** cho anh **Trần Đức A** và giao cháu **H1** cho chị **Lê Thị V** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày 22/4/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

[4]. Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận mỗi người chịu lệ phí tòa án là 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị V** và anh **Trần Đức A** thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị **Lê Thị V** và anh **Trần Đức A** thoả thuận giao cháu **Trần Gia H**, sinh ngày 08/01/2016 cho anh **Trần Đức A** và cháu **Trần Gia H1**, sinh ngày 12/7/2020 cho chị **Lê Thị V** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày 22/4/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Anh **Trần Đức A** và chị **Lê Thị V** thoả thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003182 ngày 07/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11- Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 11- Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND Ia Ko;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Dịu**

